

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 41/2018/DS-ST.

Ngày: 30/11/2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Vụ.

2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân Thắng – Chức vụ : Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33a/2018/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST – DS, ngày 14/11/2018, Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ D.

Địa chỉ: Thôn A, thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn H.

Địa chỉ: Thôn A, thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Ông Võ Tá T.

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của ông T là bà Trần Thị L. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Tá T, bà Trần Thị L trình bày:

Vào ngày 29/8/2017 tôi có cho bà Trần Thị Mỹ D vay với số tiền 61.900.000

đồng khi vay hai bên có làm giấy tờ viết tay với nhau, bà D vay với mục đích làm bia đỡ đất ở chợ, khi vay chỉ có một mình bà D vay, ông H là chồng của bà D không biết việc này và cũng không ký tên vào dưới mục người vay tiền, thời hạn trả nợ các bên thỏa thuận là cuối mùa cà phê năm 2017 tức là vào khoảng tháng 12/2017 sẽ trả. Lãi suất các bên thỏa thuận miệng với nhau không ghi vào trong giấy vay tiền. Tuy nhiên, đến hạn mùa cà phê thu hoạch xong bà D không trả tiền cho tôi như đã cam kết, mặc dù tôi đã đòi nhiều lần nhưng bà D không trả. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết buộc bà D phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền đã vay là 61.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 0.8%/tháng được tính từ ngày 01/1/2018 cho đến ngày 30/11/2018. Còn đối với ông H là chồng của bà D khi các bên vay mượn thì chỉ có bà D vay tiền và nhận tiền, chứ ông H hoàn toàn không biết việc này, nên tôi chỉ yêu cầu bà D phải có trách nhiệm trả cho tôi và không yêu cầu ông H trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tôi có nộp 4.320.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký, làm cơ sở cho Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết vụ án. Do vậy, tôi yêu cầu bà D trả lại cho tôi số tiền trên.

Sau khi thụ lý Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ, kết luận giám định chữ ký chữ viết, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bị đơn bà Trần Thị Mỹ D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đến Tòa án làm việc, nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án tổ chức mà không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên Tòa xét xử vụ án nhưng nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, Qua phần tranh luận, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Trần Thị Mỹ D và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà D, ông H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quyền

và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71,72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Trần Thị Mỹ D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H không hợp tác, không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Kết luận giám định chữ viết của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk đã xác định được bị đơn bà Trần Thị Mỹ D có vay của gia đình bà L số tiền 61.900.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên cần chấp nhận buộc bà D phải trả cho bà L và ông T số tiền 61.900.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Trong giấy vay tiền các bên không ghi lãi suất, lãi suất chỉ thỏa thuận miệng với nhau, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất của khoản tiền vay trên được tính từ thời điểm bà D không trả được nợ là ngày 01/1/2018 lãi suất yêu cầu 0,8%/Tháng kể từ ngày 01/1/2018 cho đến ngày 30/11/2018, xét yêu cầu trên của nguyên đơn là phù hợp với Khoản 4 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận đối với yêu cầu này.

Đối với chi phí giám định, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phân trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Trần Thị Mỹ D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng vắng mặt không có lý do vậy Tòa án căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà D và ông H là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Trần Thị Mỹ D phải có trách nhiệm trả số tiền vay là 61.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 0,8%/tháng được tính từ ngày 01/1/2018 – đến ngày 30/11/2018 cho cho bà L và ông T; Hội đồng xét xử nhận định:

Mặc dù Toà án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn bà Trần Thị Mỹ D và người có quyền

lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đến Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng bà D và ông H không hợp tác, vắng mặt không có lý do. Như vậy, bà D, ông H đã từ bỏ quyền chứng minh chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào “giấy vay ngày 29/8/2017 (A1) do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ khác do Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã thu thập được nên vào ngày 05/9/2018 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết Trần Thị Mỹ D tại giấy vay ngày 29/8/2017 (A1) (ký hiệu A1) và các mẫu so sánh bao gồm :

+ 01 biên bản giao nhận thông báo việc thu thập được tài liệu chứng cứ và giấy triệu tập đương sự ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar có mẫu chữ ký Trần Thị Mỹ D ở mục bên nhận. (ký hiệu M1)

+ 01 biên bản giao nhận thông báo thụ lý vụ án ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar có mẫu chữ ký Trần Thị Mỹ D ở mục bên nhận. (ký hiệu M2)

Tại bản kết luận giám định số 101/PC09 ngày 25/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký chữ viết trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết Trần Thị Mỹ D tại các tài liệu so sánh ký hiệu M1, M2, là do cùng 1 người viết ra. Do đó, đã đủ căn cứ chứng minh vào ngày 29/8/2017 (A1) tức là ngày 18/10/2017 (D1) bà Trần Thị Mỹ D có vay của gia đình bà Trần Thị L số tiền 61.900.000 đồng.

Trong giấy vay tiền xác định thời hạn trả nợ là vào mùa cà phê năm 2017, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn xác định là vào cuối năm 2017 tức là vào ngày 31/12/2017 bị đơn bà Trần Thị Mỹ D phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 61.900.000 đồng. vì vậy bà Trần Thị Mỹ D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466 và xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn được quy định tại Khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự.

Tại các điều luật trên quy định:

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Điều 470. Thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn

1. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý.

Đối chiếu với quy định trên cần buộc bà D phải trả nợ số tiền đã vay là có căn cứ. Còn đối với ông H là chồng của bà D tuy vắng mặt tại Tòa án không có lý do nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng việc vay mượn này chỉ do một mình bà D đứng ra vay ông H không biết việc này và cũng không ký tên vào trong giấy, đồng thời nguyên đơn cũng không yêu cầu ông H phải có trách nhiệm trả nợ cùng với bà D, xét đây là ý kiến của nguyên đơn nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 0,8%/tháng được tính từ ngày 01/1/2018 đến ngày 30/11/2018. HĐXX xét thấy, đối với yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với Khoản 4 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Nên HĐXX cần chấp nhận, như vậy lãi suất được tính như sau:

$(61.900.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} 29 \text{ ngày}) = 5.430.693 \text{ đồng}.$

Nên cần buộc bị đơn bà Trần Thị Mỹ D phải trả tiền lãi suất là 5.430.693 đồng là phù hợp.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, HĐXX cần buộc bà Trần Thị Mỹ D có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị L và ông Võ Tá T số tiền nợ gốc là 61.900.000 đồng và tiền lãi suất là 5.430.693 đồng. Tổng cộng là: 67.330.693 đồng.

- Về chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chi phí giám định hết 4.320.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 4.320.000 đồng tiền chi phí giám định.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nên bị đơn bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 466, Khoản 2 Điều 468, Khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

Buộc bà Trần Thị Mỹ D có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị L và ông Võ Tá T số tiền gốc nợ gốc là 61.900.000 đồng và tiền lãi suất là 5.430.693 đồng. Tổng cộng là: 67.330.693 đồng (Sáu mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ngàn sáu trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về chi phí giám định: Buộc bà Trần Thị Mỹ D trả cho bà Trần Thị L 4.320.000 đồng chi phí giám định.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị Mỹ D phải chịu 3.366.500 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng, đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm. (Theo mức 67.330.693 đồng x 5%)

Trả lại cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí 1.525.000 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) mà bà Lan đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003416, ngày 03/05/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc